

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 158/2022/DS-PT

Ngày: 30-6-2022

*“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản,
yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng
tặng cho quyền sử dụng đất, tranh
chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng
chế để thi hành án theo quy định của
pháp luật về thi hành án dân sự”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phúc

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thu

Ông Trần Trọng Nhân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chiêu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2022/TLPT-DS ngày 04 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2022/DS-ST ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã K bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 140/2022/QĐ-PT ngày 12 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *N đơn:* Bà Võ Thị Mỹ H, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: Số A, đường P, khu phố B, phường C, thị xã K, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của N đơn: Ông Lê Quốc V, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: Số A, đường T, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:*

2.1 Ông Phan Ngọc T, sinh năm 1965 (vắng mặt).

2.2 Bà Đặng Thị A, sinh năm 1965 (vợ ông Phan Ngọc T - có mặt).

Cùng địa chỉ: Số B, ấp G, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Ngọc T: Bà Đặng Thị A, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: Số B, ấp G, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Ông Lê Thanh Đ, sinh năm 1987 (vắng mặt).

3.2 Bà Phan Ngọc P, sinh năm 1987 (vợ ông Lê Thanh Đ - vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số C, đường H, khu phố C1, phường C2, thị xã K, tỉnh Long An.

3.3 Ông Phan Thanh H (con ông T và bà A), sinh năm 1984 (có mặt).

3.4 Bà Lâm Thị Ngọc D, sinh năm 1987 (vợ ông H - vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp G, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phan Thanh H: Luật sư Huỳnh Văn B – Văn phòng Luật sư Nguyễn Hòa B thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lâm Thị Ngọc D: Ông Phan Thanh H, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp G, xã B, thị xã K, tỉnh Long An

3.5 Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1979 (chồng bà Mỹ H – có mặt).

Địa chỉ: Số A, đường P, khu phố B, phường C, thị xã K, tỉnh Long An

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thanh T: Ông Lê Quốc V, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: Số A, đường T, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

3.6 Ông Trần Trung T, sinh năm 1963 (có mặt).

3.7 Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1968 (vợ ông T – vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số D, ấp S, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

3.8 Văn phòng công chứng Bùi Thị Đ (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, đường L, khu phố B, phường C, thị xã K, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị Đ – Trưởng văn phòng.

3.9 Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V Nam.

Địa chỉ: Số 02, đường Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Thành – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng: Ông Nguyễn Thành H – Phó giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V Nam – Chi nhánh huyện M (vắng mặt).

3.10 Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại thị xã K (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, đường T, khu phố B, phường C, thị xã K, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị Ngọc T – Giám đốc.

3.11 Chi cục Thi hành án dân sự thị xã K, tỉnh Long An (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, đường B, phường C, thị xã K, tỉnh Long An.

3.12 Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: Số B, ấp G, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Ngọc H: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số B, đường V, khu phố C, thị trấn T, huyện T1, tỉnh Long An.

3.13 Bà Võ Thu C (mẹ bà Mỹ H), sinh năm 1956 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, đường P, khu phố B, phường C, thị xã K, Long An.

3.14 Cháu Phan Duy K (con ông H và bà D), sinh năm 2006.

Địa chỉ: Ấp G, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

3.15 Cháu Phan V (con ông H và bà D), sinh năm 2008.

Địa chỉ: Ấp G, xã B, thị xã K, tỉnh Long An

Người đại diện theo pháp luật của cháu Phan Duy K, cháu Phan V là ông Phan Thanh H, sinh năm 1984 (có mặt) và bà Lâm Thị Ngọc D, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp G, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

3.16 Bà Phan Thị Diễm Hương, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số C, Ấp G, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

3.17 Cháu Nguyễn Thị Thảo N (con bà Diễm Hương), sinh năm 2010.

Địa chỉ: Ấp G, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật của em Nguyễn Thị Thảo N: Bà Phan Thị Diễm H, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp G, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

3.18 Ông Tôn Văn P (tên thường gọi là Thương), sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp G, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

3.19 Ông Lâm Văn K, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Ô, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

3.20 Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: Số D, đường K, khu phố C, phường C, thị xã K, tỉnh Long An.

3.21 Bà Trần Ngọc Thảo Quyên (con ông T và bà M), sinh năm 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 129/2, ấp B, xã B1, huyện T, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Võ Thị Mỹ H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của bà Võ Thị Mỹ H, các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn bà Võ Thị Mỹ H trình bày: Vào ngày 03 tháng 6 năm 2020, vợ chồng ông Phan Ngọc T và bà Đặng Thị A có vay bà MỹH 02 lần, mỗi lần 2.000.000.000đồng, tổng cộng số tiền vay là 4.000.000.000đồng. Thời hạn vay 03 tháng với lãi suất thỏa thuận miệng 4%/tháng. Tại đơn khởi kiện ngày 16 tháng 7 năm 2020, bà MỹH trình bày số tiền 2.000.000.000đồng cho vay lần thứ hai là của mẹ bà tên Võ Thu C. Nay bà MỹH xác định lại số tiền 2.000.000.000đồng cho vay lần thứ hai là của bà MỹH chứ không phải của bà Cúc. Khi vay tiền có bà Phan Ngọc P cùng ký vào biên nhận nợ và thế chấp cho bà MỹH 04 bản chính giấy nhận quyền sử dụng đất do ông Lê Thanh Đ và bà P đứng tên đối với 04 thửa đất số 65, 380, 383, 514. Việc thế chấp 04 thửa đất trên không có công chứng chứng thực theo quy định pháp luật vì bà MỹH không am hiểu pháp luật. Tại phiên tòa, bà MỹH xác nhận ông T, bà A, bà P là người nhận số tiền 4.000.000.000đồng của bà MỹH, nội dung đoạn tin nhắn qua zalo do bà MỹH cung cấp cho Tòa án là của bà P nhắn cho bà MỹH trước ngày vay số tiền 4.000.000.000đồng trong đó có đoạn bà P nhắn vay của bàH số tiền 4.000.000.000đồng để đáo nợ Ngân hàng. Sau đó, bà MỹH biết được ông T, bà A đã chuyển toàn bộ tài sản đất đai cho con là ông Phan Thanh H1 với mục đích tẩu tán tài sản nhằm né tránh nghĩa vụ trả nợ cho bà MỹH.

Do đó, bà MỹH khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông T, bà A cùng với ông Đ, bà P phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả số tiền gốc là 4.000.000.000đồng và lãi suất 1,125%/tháng tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm. Đồng thời, bà MỹH yêu cầu được quyền ưu tiên thi hành án đối với 04 thửa đất số 65, 380, 383, 514 mà bà P thực hiện việc thế chấp nhằm bảo đảm cho khoản nợ vay nêu trên.

Ngoài ra, ông T, bà A đã cố tình tẩu tán tài sản để né tránh nghĩa vụ trả nợ sau khi vay tiền của bà MỹH, cụ thể là ngày 26 tháng 6 năm 2020 ông T, bà A đã lập 04 hợp đồng tặng cho toàn bộ các tài sản là quyền sử dụng đất cho con là ông H1, bà Diễm. Do đó, bà MỹH yêu cầu tuyên bố vô hiệu 04 hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông T, bà A (bên tặng cho) với ông H1, bà Diễm (bên được tặng cho) ngày 26 tháng 6 năm 2020 công chứng tại văn phòng công chứng Bùi Thị Đ được đưa vào sổ là 3089, 3090, 3091, 3092 thuộc quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD.

Tại phiên tòa, ông Lê Quốc V là người đại diện theo ủy quyền của bà MỹH, ông Trí trình bày: Bà MỹH khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những yêu cầu sau:

- Bà MỹH yêu cầu ông T, bà A, ông Đ, bà P phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho bà MỹH tiền vay gốc 02 lần tổng cộng 4.000.000.000đồng và lãi suất tính từ ngày 03 tháng 6 năm 2020 đến ngày 21 tháng 02 năm 2022 là $(4.000.000.000\text{đồng} \times 1,125\%/tháng) \times 30\text{ ngày} \times 20\text{ tháng} = 927.000.000\text{đồng}$. Tổng cộng gốc, lãi 4.927.000.000đồng trả một lần trong thời gian sớm nhất.

- Bà MỹH yêu cầu được quyền ưu tiên thi hành án đối với 04 thửa đất số 65, 380, 383, 514 do ông Đ, bà P đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bởi vì bà P đã thế chấp 04 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà MỹH để vay của bà MỹH số tiền 4.000.000.000đồng. Bà MỹH không đồng ý trả lại 04 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ, bà P.

- Bà MỹH yêu cầu tuyên bố vô hiệu 04 hợp đồng chuyển nhượng (tặng cho) quyền sử dụng đất không có tài sản gắn liền với đất có số công chứng 3089, 3090, 3091, 3092, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD cùng ngày 26 tháng 6 năm 2020 ký kết giữa ông T, bà A với ông H1, bà Diễm công chứng tại Văn phòng công chứng Bùi Thị Đ. Bởi vì, căn cứ vào Điều 5, Điều 10, khoản 2 Điều 124 của Bộ luật dân sự năm

2015; khoản 1 Điều 24 Nghị định 62; điểm đ mục 11 thông tư số 33 ngày 29 tháng 9 năm 2019 thì 04 hợp đồng trên trái pháp luật, không đúng đạo đức xã hội, ông T, bà A đã cố tình tẩu tán tài sản để né tránh nghĩa vụ trả nợ sau khi vay tiền của bà MỹH.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 4.300.000đồng: Bà MỹH yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

Bị đơn ông Phan Ngọc T, bà Đặng Thị A trình bày: Ngày 03 tháng 6 năm 2020, ông bà có vay của bà MỹH tổng số tiền 4.000.000.000đồng (bốn tỷ đồng). Ông bà có ký trên 02 giấy nhận nợ cùng ngày 03 tháng 6 năm 2020. Lúc ký giấy vay có ông bà, bà P (con gái của ông bà) là người viết giấy vay giúp ông bà. Các bên thỏa thuận lãi suất bằng miệng 4,5%/tháng. Mục đích ông bà vay tiền của bà MỹH là đưa cho bà P để lo làm ăn kinh tế gia đình. Tại thời điểm vay, ông Đ là chồng của bà P không có mặt nên không biết sự việc. Ông bà có thỏa thuận với bà MỹH cho trả dần và giảm trừ lãi suất nhưng bà MỹH không đồng ý. Tính đến nay, ông bà chưa trả cho bà MỹH được khoản tiền gốc nào, hàng tháng có trả tiền lãi nhưng không nhớ đã trả bao nhiêu nên không yêu cầu tính lại phần tiền lãi này. Ông bà đồng ý trả 4.000.000.000đồng, xin bà MỹH không tính tiền lãi.

Ông bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà MỹH yêu cầu tuyên bố vô hiệu các văn bản công chứng là 04 hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông bà với ông H1 vì các hợp đồng này đã thực hiện trước khi xảy ra tranh chấp. Ông T đề nghị được vắng mặt tại các phiên họp, hòa giải và tại phiên tòa. Tại phiên tòa, bà A xác nhận ông T, bà A ký tên vào 02 biên nhận vay tiền trên để chứng kiến nhưng bà P là người trực tiếp trao đổi, vay tiền, nhận số tiền 4.000.000.000đồng của bà MỹH để làm ăn kinh doanh phục vụ nhu cầu gia đình của ông Đ, bà P; nội dung đoạn tin nhắn qua zalo do bà MỹH cung cấp cho Tòa án đúng là của bà P nhắn cho bà MỹH trước ngày vay số tiền 4.000.000.000đồng trong đó có đoạn bà P nhắn vay của bà H số tiền 4.000.000.000đồng để đáo nợ Ngân hàng là hoàn toàn đúng sự thật.

Bà A xin bà MỹH cho trả dần hàng năm, mỗi năm 50.000.000đồng cho đến khi hết nợ vì hoàn cảnh kinh tế đang gặp khó khăn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh Đ trình bày: Ông là chồng của bà P. Thời điểm bà P viết giấy vay nợ giúp ông T, bà A thì ông không biết, ông không có mặt ở đó. Sau khi xảy ra tranh chấp, ông có nghe bà P nói rằng thời điểm đó bà P viết dùm giấy mượn nợ trên. Sau đó, bà P có mượn ông T, bà A số tiền 4.000.000.000đồng để làm ăn. Do ông làm nghề tài xế, nay đây mai đó nên việc quán xuyến trong nhà là do bà P. Bà MỹH khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông liên đới chịu trách nhiệm trả số tiền mà ông T, bà A vay của bà MỹH thì ông không đồng ý. Hiện nay, vợ chồng ông đang làm ăn xa, không có mặt ở địa phương nên xin được xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Ngọc P trình bày: Ngày 03 tháng 6 năm 2020, bà có viết giấy vay giúp cho ông T, bà A vay của bà MỹH số tiền 4.000.000.000đồng. Thời điểm bà P viết giấy vay nợ có ông T, bà A, bà P, bà MỹH. Người nhận tiền là ông T, bà A. Sau đó, ông T, bà A đưa lại cho bà mượn để làm ăn. Tuy nhiên, do làm ăn thua lỗ nên hiện nay bà chưa thể trả lại cho ông T, bà A. Việc bà MỹH khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà liên đới chịu trách nhiệm trả số tiền ông T, bà A vay của bà MỹH thì bà không đồng ý. Hiện nay, bà đang làm ăn xa, không có mặt ở địa phương nên xin được xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Thanh H1 trình bày: Ngày 03 tháng 6 năm 2020, ông T, bà A có vay bà MỹH số tiền 4.000.000.000đồng. Tuy nhiên, việc vay này, vợ chồng ông không hay biết và cũng không có ký tên trong giấy vay. Vì vậy, vợ chồng ông không đồng ý liên đới chịu trách nhiệm trả nợ theo yêu cầu của bà MỹH.

Việc bà MỹH yêu cầu tuyên bố vô hiệu văn bản công chứng đối với giao dịch tặng cho quyền sử dụng đất từ ông T, bà A cho vợ chồng ông thì ông cũng không đồng ý. Bởi vì, ngày 16 tháng 7 năm 2020, bà MỹH nộp đơn khởi kiện tại tòa án yêu cầu tuyên bố vô hiệu văn bản công chứng về việc thực hiện hợp đồng tặng cho trên với lý do ông T, bà A tẩu tán tài sản nhằm trốn trả việc trả nợ là không có cơ sở. Vì vào tháng 6 năm 2020, ông T, bà A đã tặng cho ông H1, bà Diễm là trước thời điểm xảy ra tranh chấp. 04 hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất trên được công chứng, chứng thực đúng theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 167 Luật đất đai năm 2013.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phan Thanh H1 - Luật sư Huỳnh Văn B trình bày: Tháng 6 năm 2020 ông T, bà A có thực hiện giao dịch tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Phan Thanh H1 và vợ là bà Lâm Thị Ngọc Diễm tại Văn phòng công chứng Bùi Thị Đ tại thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An. Hiện nay, cha mẹ ông H1 có nợ bà MỹH số tiền 4.000.000.000đồng theo giấy nhận nợ ngày 03 tháng 6 năm 2020. Đối với số nợ 4.000.000.000đồng thì vợ chồng ông H1 bà Diễm không có liên quan. Đối với yêu cầu tuyên bố vô hiệu văn bản công chứng thì ông H1 cũng không đồng ý. Bởi vì, thứ nhất ngày 16 tháng 7 năm 2020, bà MỹH nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường yêu cầu tuyên bố vô hiệu văn bản công chứng về việc thực hiện 4 hợp đồng tặng cho trên với lý do ông T, bà A tẩu tán tài sản nhằm trốn trả việc trả nợ là không có cơ sở. Vì vào tháng 6 năm 2020 ông T, bà A đã tặng cho ông H1, bà Diễm là trước thời điểm xảy ra sự việc tranh chấp. Thứ hai, 04 hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất trên được công chứng, chứng thực đúng theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 167 Luật đất đai năm 2013. Thứ ba, hiện nay ông H1, bà Diễm đang thế chấp các thửa đất được tặng cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn V Nam - Chi nhA Mộc Hóa để vay vốn làm ăn. Việc hủy bỏ 04 hợp đồng tặng cho trên sẽ làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn V Nam - Chi nhA Mộc Hóa, điều này đã được pháp luật bảo vệ tại khoản 2 Điều 133 của Bộ Luật dân sự 2015 quy định về bảo vệ quyền lợi của người thứ ba ngay tình “*Trường hợp giao dịch dân sự vô hiệu nhưng tài sản đã được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, sau đó được chuyển giao bằng một giao dịch dân sự khác cho người thứ ba ngay tình và người này căn cứ vào việc đăng ký đó mà xác lập, thực hiện giao dịch thì giao dịch đó không bị vô hiệu*”. Từ những phân tích trên, ông H1 không chấp nhận với yêu cầu khởi kiện của bà MỹH về việc yêu cầu tuyên bố vô hiệu 04 hợp đồng tặng cho trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị Ngọc Diễm trình bày: Bà không có liên quan gì đến khoản nợ trong vụ án này. Bà đã ủy quyền cho ông H1 tham gia tố tụng, ý kiến của ông H1 là ý kiến của bà. Ông H1 quyết định như thế nào thì bà đồng ý thế đó.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh T trình bày: Số tiền 4.000.000.000đồng trong vụ án là tài sản chung của ông và bà MỹH trong thời kỳ hôn nhân. Tuy nhiên, ông đồng ý để bà MỹH khởi kiện. Ông thống nhất với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà MỹH. Ông không có bổ sung gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Trung T, bà Nguyễn Thị M trình bày: Trước đây, ông bà đứng tên 02 thửa đất số 65, 380 có tổng diện tích 1.300m², trên thửa đất số 380 có căn nhà cấp 4 của ông bà đang ở. Năm 2018, ông bà vay ông Đ, bà P số tiền 110.000.000đồng. Do ông bà lớn tuổi, Ngân hàng không cho vay vốn nên ông Đ, bà P với ông bà thỏa thuận miệng chuyển nhượng 02 thửa đất trên cho ông Đ, bà P đứng tên dùm, mục đích để ông Đ, bà P lấy giấy chứng nhận vay Ngân hàng có tiền trả nợ cho ông Đ bà P và cho ông bà vay đáo hạn. Ông bà đồng ý, sau đó làm thủ tục sang tên cho ông Đ, bà P nhưng khi làm thủ tục không được. Lúc này, ông bà làm thủ tục tặng cho con gái ruột tên Trần Ngọc Thảo Quyên, sinh năm 1991, ngụ tại ấp B Cang, xã B Thạnh, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. Sau đó, bà Quyên trực tiếp ký hợp đồng sang tên cho ông Đ, bà P để vay vốn Ngân hàng có tiền trả nợ cho ông Đ, bà P. Như vậy, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên là giả cách, không đúng sự thật như nội dung đã ký. Hiện tại ông bà đang sử dụng thửa đất số 65, 380 do ông Đ, bà P đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Mặt khác, thửa đất số 380, 65 đang bị Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường kê biên để thi hành án cho bà Ngọc H ở vụ việc khác. Ông bà không có liên quan gì đến khoản nợ trong vụ án này. Ông bà không có yêu cầu độc lập gì trong vụ án này. Tại phiên tòa, ông T xác định bà Quyên đã khởi kiện ông Đ, bà P đối với thửa đất số 65, 380 bằng một vụ án độc lập khác đang được Tòa án thụ lý giải quyết và bà Quyên cũng không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng Bùi Thị Đ trình bày: Các hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông T, bà A, với ông H1, bà Diễm có đA số vào sổ là 3089, 3090, 3091, 3092 thuộc Quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD là được thực hiện đúng theo trình tự pháp luật quy định. Do đó, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V Nam – Chi nhA Mộc Hóa (gọi tắt là Ngân hàng) trình bày: Vào ngày 06/7/2020 ông H1, bà Diễm có ký hợp đồng vay tại Ngân hàng số tiền 5.900.000.000 đồng và thế chấp các tài sản là quyền sử dụng đất mà phía bà MỹH yêu cầu tuyên bố vô hiệu các hợp đồng tặng cho. Ngân hàng không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà MỹH về việc yêu cầu tuyên bố vô hiệu các hợp đồng tặng cho được ký kết giữa ông T, bà A với ông H1, bà Diễm. Bởi vì, ông H1 và bà Diễm đã được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Đồng thời, ông H1 và bà Diễm đã ký hợp đồng tín dụng số 6620 LAV2020001568 ngày 06 tháng 7 năm 2020, hợp đồng thế chấp số 07C399/HĐTC ngày 06 tháng 7 năm 2020 để vay số tiền 5.900.000.000đồng. Việc đăng ký hợp đồng thế chấp đã làm đúng trình tự pháp luật quy định như hồ sơ đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Bùi Thị Đ, đăng ký thế chấp tại Chi nhA văn phòng đăng ký đất đai tại thị xã Kiến Tường. Hiện nay, ông H1, bà Diễm vẫn còn nợ Ngân hàng 5.900.000.000đồng. Do đó, Ngân hàng không yêu cầu giải quyết trong vụ án này và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Ngân hàng không có yêu cầu độc lập gì trong vụ án này và xin được xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi nhA văn phòng đăng ký đất đai tại thị xã Kiến Tường trình bày: Các hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông T, bà A, với ông H1, bà Diễm có đA số vào sổ là 3089, 3090, 3091, 3092 thuộc Quyền số 01TP/CC/SCC/HĐGD là được đăng ký điều chỉnh biến động theo đúng trình tự pháp luật. Do đó, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An trình bày: Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường đã ban hành quyết định số 23/QĐ-CCTHADS ngày 15 tháng 9 năm 2020 về việc cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với 04 thửa đất số 65, 380, 383, 514 để thi hành cho bà NgọcH theo quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 52/2020/QĐDS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường. Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà MỹH yêu cầu được quyền ưu tiên thanh toán đối với 04 thửa đất nêu trên. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và đề nghị được xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị NgọcH trình bày: Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của bà MỹH có yêu cầu liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà đối với 04 thửa đất số 65, 380, 383, 514 của ông Đ, bà P đang bị Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường kê biên để thi hành quyết định công nhận sự thỏa thuận số 52/2020/QĐDS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2020 theo quyết định thi hành án số 623/QĐ-CCTHA ngày 31 tháng 8 năm 2020, quyết định số 23/QĐ-CCTHA ngày 15 tháng 9 năm 2020. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà MỹH vì việc bà MỹH khởi kiện ông T, bà A không liên quan đến 04 thửa đất trên. Ông Đ là người đứng tên chủ sử dụng quyền sử dụng đất đối với 04 thửa đất trên. Do đó, việc bà MỹH giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 04 thửa đất trên là không hợp lệ. Bà yêu cầu bà MỹH giao trả lại cho ông Đ để giao cho Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường thực hiện xử lý tài sản theo quy định để thi hành án cho bà với số tiền 26.026.000.000đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị NgọcH – Ông Nguyễn Văn T trình bày: Việc xác lập quan hệ giao dịch theo 02 biên nhận ngày 03 tháng 6 năm 2020 giữa bà MỹH với ông T, bà A là hợp đồng vay tài sản không thỏa thuận lãi chứ không phải là hợp đồng thế chấp. Không có căn cứ xác lập hợp đồng thế chấp vì các thửa đất số 65, 380, 383, 514 thuộc quyền sử dụng của ông Đ, bà P. Vì vậy, để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà NgọcH, ông đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà MỹH về việc yêu cầu được ưu tiên thanh toán đối với 04 thửa đất số 65, 380, 383, 514. Bởi vì, theo quyết định công nhận sự thỏa thuận số 52/2020/QĐDS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường thì ông Đ, bà P phải có nghĩa vụ trả cho bà NgọcH số tiền 26.026.000.000đồng. Đồng thời, ông Đ, bà P là người đứng tên trên 04 thửa đất trên và không có thế chấp 04 thửa đất trên cho bà MỹH theo quy định pháp luật. Do đó, bà MỹH không có quyền được ưu tiên thanh toán theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thu C trình bày: Bà xác định không có liên quan gì đến số tiền 2.000.000.000đồng mà bà MỹH (con gái của bà Cúc) cho ông T, bà A vay lần thứ hai. Bà xác định số tiền 2.000.000.000đồng này là của vợ chồng bà MỹH. Bà không có tranh chấp gì đối với bà MỹH. Bà đề nghị Tòa án cho bà được vắng mặt trong các phiên làm việc, hòa giải, xét xử.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tôn Văn P trình bày: Ông có thuê 9.500m² đất sản xuất nông nghiệp của ông T. Nay bà MỹH với ông T, bà A tranh chấp. Ông không có ý kiến, không có yêu cầu độc lập gì trong vụ án này. Ông đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Văn K trình bày: Từ năm 2019 đến nay, ông có thuê của ông H1 3,5 hecta đất ruộng với giá 20.000.000đồng/hecta, thời hạn thuê 03 năm. Ông đã trả đủ tiền thuê đất cho ông H1. Ông làm hết vụ Hè Thu này, ông trả đất lại cho ông H1. Ông không có liên quan gì đến khoản nợ 4.000.000.000 đồng trong vụ án này và không có yêu cầu độc lập gì trong vụ án này. Ông đề nghị Tòa án cho ông được vắng mặt trong các phiên làm việc, hòa giải, xét xử.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn D trình bày: Ông không có yêu cầu độc lập, không liên quan gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Ngọc Thảo Quyên trình bày: Việc chuyển nhượng 02 thửa đất số 65, 380 cho ông Đ, bà P là giả cách, không đúng sự thật như nội dung. Nay bà biết được bà P đã đem thế chấp 02 thửa đất trên cho bà MỹH để vay 4.000.000.000đồng và đang bị kê biên thi hành án cho phần nợ của bà P nên ảnh hưởng đến quyền lợi của cha mẹ bà. Từ khi giải quyết vụ án đến nay, bà không được tham gia tố tụng trình bày ý kiến nên yêu cầu xem xét hoãn phiên tòa và thu thập chứng cứ để xem xét giải quyết theo đúng quy định pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 09/2022/DS-ST ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã K đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Mỹ H đối với ông Phan Ngọc T, bà Đặng Thị A, ông Lê Thanh Đ, bà Phan Ngọc P về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc ông Phan Ngọc T, bà Đặng Thị A, ông Lê Thanh Đ, bà Phan Ngọc P pH1 thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho bà Võ Thị Mỹ H số tiền tổng cộng 4.927.000.000 đồng (bốn tỷ chín trăm hai mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi bên pH1 thi hành án thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên pH1 thi hành án còn pH1 trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Mỹ H đối với yêu cầu được ưu tiên thanh toán đối với 04 thửa đất số 65, 380, 383, 514 do ông Lê Thanh Đ, bà Phan Ngọc P đứng tên.

3. Buộc bà Võ Thị Mỹ H pH1 hoàn trả lại cho ông Lê Thanh Đ, bà Phan Ngọc P 04 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể như sau:

3.1. 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 367762 do ông Lê Thanh Đ và bà Phan Ngọc P đứng tên (thửa đất số 65) được Sở Tài N và Môi Trường tỉnh Long An cấp ngày 27 tháng 9 năm 2018.

3.2. 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 367757 do ông Lê Thanh Đ và bà Phan Ngọc P đứng tên (thửa đất số 380) được Sở Tài N và Môi Trường tỉnh Long An cấp ngày 27 tháng 9 năm 2018.

3.3. 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 723273 do bà Phan Ngọc P đứng tên (thửa đất số 383) được Sở Tài N và Môi Trường tỉnh Long An cấp ngày 08 tháng 10 năm 2015.

3.4. 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 333921 do bà Phan Ngọc P đứng tên (thửa đất số 514) được Sở Tài N và Môi Trường tỉnh Long An cấp ngày 28 tháng 6 năm 2018.

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Mỹ H về việc yêu cầu tuyên bố vô hiệu 04 hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất không có tài sản gắn liền với đất có số công chứng 3089, 3090, 3091, 3092, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD cùng ngày 26 tháng 6 năm 2020 ký kết giữa ông Phan Ngọc T, bà Đặng Thị A với ông Phan Văn H1, bà Lâm Thị Ngọc Diễm công chứng tại Văn phòng công chứng Bùi Thị Đ.

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc bà Võ Thị Mỹ H pH1 chịu số tiền 4.300.000đồng (bốn triệu ba trăm nghìn đồng). Bà Võ Thị Mỹ H đã nộp đủ 4.300.000đồng (bốn triệu ba trăm nghìn đồng).

6. Về án phí:

6.1 Buộc ông Phan Ngọc T, bà Đặng Thị A, ông Lê Thanh Đ, bà Phan Ngọc P pH1 có nghĩa vụ liên đới chịu 112.927.000đồng (một trăm mười hai triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6.2 Buộc bà Võ Thị Mỹ H pH1 có nghĩa vụ chịu 1.200.000đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 73.760.000đồng (bảy mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng) theo biên lai số 0009334 ngày 31 tháng 7 năm 2020 và 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0009360 ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường. Bà Võ Thị Mỹ H được hoàn trả lại số tiền chênh lệch 72.860.000đồng (bảy mươi hai triệu T trăm sáu mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và hướng dẫn thi hành án.

Ngày 23/02/2022 bà Võ Thị Mỹ H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bàH.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của N đơn bà Võ Thị Mỹ H vẫn giữ N yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Phản tranh luận:

Ông V là người đại diện theo ủy quyền của bà MỹH trình bày: Qua 3 lần xét xử (sơ thẩm 2 lần và phúc thẩm 1 lần) bà A và ông T đều thừa nhận có vay của bà MỹH 4 tỷ đồng và đồng ý trả nợ, bản án sơ thẩm buộc bà A, ông T, bà P và ông Đ liên đới trả nợ gốc và nợ lãi cho bà MỹH, bà MỹH không có kháng cáo đối với phần này. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà MỹH về việc vô hiệu 04 hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông T bà A với ông H1 bà Diễm và không chấp nhận yêu cầu của bà MỹH về việc được ưu tiên thi hành án đối với quyền sử dụng đất là 04 thửa đất mà P đã thế chấp cho bà MỹH để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ nên bà MỹH kháng cáo đối với phần này.

Đối với việc bà MỹH yêu cầu được quyền ưu tiên thi hành án đối với 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà P, ông Đ đã thế chấp cho bà MỹH là có căn cứ, bởi lẽ tại thời điểm bà P ông Đ thế chấp quyền sử dụng đất cho bà MỹH (ngày 03/6/2020) thì lúc bà P và ông Đ chưa vay tiền của bà NgọcH (bà P ông Đ vay tiền của bà NgọcH ngày 20/6/2020), tại phiên tòa bà NgọcH trình bày thu nhập mỗi năm từ

việc sử dụng 2ha đất ruộng chỉ có 40.000.000đồng, thì nguồn tiền đâu có mà bà NgọcH cho bà P ông Đ vay 26 tỷ và không có thể chấp. Qua lời trình bày của bà NgọcH tại phiên tòa ông V cho rằng đây là khoản nợ không nhằm mục đích tẩu tán tài sản của bà P và ông Đ và trốn trả nghĩa vụ liên đới trả nợ của bà P và ông Đ. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm lần 1 bà P và ông Đ đồng ý liên đới trả nợ và đồng ý cho để bà MỹH được ưu tiên thi hành án đối với quyền sử dụng đất mà bà P đã thế chấp cho bà MỹH. Do đó, đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bà MỹH.

Căn cứ bà MỹH yêu cầu tuyên bố vô hiệu 04 hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà A, ông T với ông H1 bà Diễm gồm: bà MỹH biết bà A ông T có tài sản nên mới đồng ý cho bà A và ông T vay số tiền lớn như vậy (4 tỷ đồng). Mặc dù trước đó giữa bà A và bà MỹH đã vay nhiều lần, không có thể chấp tài sản nhưng vì bà A và ông T đều trả đầy đủ, đúng hạn nên bà MỹH mới tin tưởng và cho vay số tiền lớn như vậy. Sau khi vay 23 ngày tức ngày 26/6/2020 bà A và ông T đã tặng cho toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất cho con trai và con dâu là ông H1 và bà Diễm. Mặc dù ông H1 và bà Diễm đứng tên quyền sử dụng đất nhưng đất vẫn do bà A và ông T sử dụng (ông T ông A cho thuê). Tại phiên tòa bà A trình bày ngoài các tài sản đã tặng cho ông H1 bà Diễm theo 04 hợp đồng nêu trên thì bà A ông T không còn tài sản nào khác và không còn khả năng trả nợ cho bà MỹH. Như vậy, việc bà A và ông T tặng cho quyền sử dụng đất cho ông H1 và bà Diễm theo 04 hợp đồng tặng cho được ký ngày 26/6/2020 là lạm dụng quyền dân sự của mình nhằm mục đích tẩu tán tài sản gây thiệt hại cho bà MỹH và vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bà A ông T đối với bà MỹH. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 10 và khoản 2 Điều 124 Bộ luật dân sự năm 2015 đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà MỹH, tuyên vô hiệu 04 hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà A, ông T với ông H1 bà Diễm được Văn phòng công chứng Bùi Thị Đ công chứng số 3089, 3090, 3091, 3092 cùng ngày 26/6/2020.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H1 cho rằng 04 hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà A, ông T lúc đó bà A ông T không pH1 thi hành theo bản án hoặc quyết định nào cả. Việc tặng cho quyền sử dụng là hợp pháp và ông H1 bà Diễm thế chấp quyền sử dụng đất cho Ngân hàng là đúng thủ tục, Ngân hàng là người ngay tình nên cần được bảo vệ theo khoản 2 Điều 133 Bộ luật dân sự năm 2015 là không có cơ sở. Bởi vì 23 ngày sau khi vay tiền bà A và ông T đã tặng cho toàn bộ tài sản cho ông H1 bà Diễm, tặng cho chứ không pH1 chuyển nhượng, như vậy bà A và ông T đã lạm dụng quyền dân sự và tẩu tán tài sản như trình bày ở trên. Việc ngân hàng nhận thế chấp trong khi bà MỹH đã khởi kiện tại Tòa án là không ngay tình.

Hiện nay các giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với các thửa đất theo 04 hợp đồng tặng cho nêu trên ông H1 và bà Diễm đang thế chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V Nam- chi nhA huyện Mộc Hóa (gọi tắt là Ngân hàng) theo hợp đồng thế chấp số 07C370/HĐTC ngày 21/02/2022. Việc Ngân hàng tiếp tục cho ông H1 và bà Diễm thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên là không ngay tình vì tại thời điểm ông H1 bà Diễm thế chấp thì quyền sử dụng đất đối với các thửa đất trên đang bị bà MỹH khởi kiện yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng tặng cho. Tại cấp sơ thẩm Tòa án không hỏi và cũng không thông báo cho bà MỹH biết là quyền sử dụng đất ông H1 đã thế chấp trong ngân hàng nên bà MỹH không có yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng thế chấp giữa ông H1 bà Diễm với Ngân hàng. Do đó, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay ông yêu cầu Tòa án tuyên vô hiệu hợp đồng thế chấp giữa ông H1 bà Diễm với Ngân hàng. Tuy nhiên, yêu cầu này chưa được cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết nên ông đại diện cho

bà MỹH yêu cầu tòa án hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ vụ án về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Luật sư B bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H1 trình bày:

Ông H1 là người trả nợ thay cho bà A và ông T, chứng cứ về việc ông H1 trả nợ thay cho bà A và ông T đã được nộp tại tòa án cấp sơ thẩm.

Đối với yêu cầu của bà MỹH yêu cầu tuyên bố vô hiệu 04 hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được ký ngày 26/6/2020 giữa bà A ông T với ông H1 bà Diễm là không có căn cứ và ông H1 bà Diễm không đồng ý với yêu cầu này, bởi những lý do sau: *Thứ nhất*, 04 hợp đồng tặng nêu trên được ký và công chứng vào ngày 26/6/2020, thời điểm này quyền sử dụng đất không bị tranh chấp, không bị kê biên để đảm bảo thi hành. Hợp đồng tặng cho được ký trước khi bà MỹH khởi kiện yêu cầu bà A ông T trả nợ. *Thứ hai*, hợp đồng tặng cho được công chứng đúng theo quy định của pháp luật. *Thứ ba*, ông H1 và bà Diễm đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất được tặng cho. *Thứ tư*, ông H1 bà Diễm đã thế chấp quyền sử dụng đất trong Ngân hàng để vay tiền trả nợ thay cho bà A và ông T. Tại thời điểm ông H1 bà Diễm thế chấp thì quyền sử dụng đất không bị tranh chấp hay kê biên. Hợp đồng thế chấp được công chứng đúng quy định của pháp luật. Do đó, việc Ngân hàng nhận thế chấp là thuộc trường hợp ngay tình được pháp luật bảo vệ theo quy định tại khoản 2 Điều 133 Bộ luật dân sự năm 2015. Từ những luận cứ trên đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của bà MỹH.

Ông Nguyễn Văn T là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà NgọcH trình bày:

Bà MỹH yêu cầu được quyền ưu tiên thi hành án đối với 4 thửa đất mà bà P đã thế chấp cho bà MỹH là không có căn cứ. Vì Hợp đồng thế chấp giữa bà P với bà MỹH không được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật, quyền sử dụng đất là tài sản chung của bà P và ông Đ nhưng ông Đ không ký tên thế chấp cho bà MỹH. Hiện nay 4 thửa đất trên đang bị kê biên để thi hành án cho bà NgọcH theo quyết định công nhận sự thỏa thuận số 52/2020/QĐST-DS ngày 12/8/2020 giữa bà NgọcH với bà P và ông Đ. Việc bà P trình bày tại phiên tòa phúc thẩm lần 1 đồng ý cho bà MỹH được ưu tiên thi hành đối với 4 thửa đất trên là nhằm mục đích trốn trả nghĩa vụ trả nợ đối với bà NgọcH. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của bà MỹH đối với phần này.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về chấp hành pháp luật: Kháng cáo của bà Võ Thị Mỹ H đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án:

- Đối với kháng cáo của bà Võ Thị Mỹ H yêu cầu được ưu tiên thanh toán đối với 04 thửa đất số 65, 380, 383, 514 do ông Lê Thanh Đ, bà Phan Ngọc P đứng tên, thấy rằng:

Tại Công văn số 21/CV-CCTHADS ngày 03/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường có nội dung: Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường đã ban hành Quyết định số 23/QĐ-CCTHADS ngày 15/9/2020 về việc cưỡng chế kê biên quyền

sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với 04 thửa đất số 65, 380, 383, 514 để thi hành cho bà Nguyễn Thị Ngọc H theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 52/2020/QĐDS-ST ngày 12/8/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường với số tiền 26.026.000.000đồng. Đồng thời, bà Ngọc H không đồng ý cho bà Mỹ H được ưu tiên thanh toán đối với thửa đất số 65, 380, 383, 514. Do đó bản án sơ thẩm tuyên không chấp nhận yêu cầu ưu tiên thi hành án của bà Mỹ H là có căn cứ. Kháng cáo của bà Mỹ H không có căn cứ để chấp nhận.

- Đối với kháng cáo của bà Võ Thị Mỹ H yêu cầu tuyên bố vô hiệu 04 hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất không có tài sản gắn liền với đất có số công chứng 3089, 3090, 3091, 3092, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD cùng ngày 26/6/2020 ký kết giữa ông Phan Ngọc T, bà Đặng Thị A với ông Phan Văn H1, bà Lâm Thị Ngọc Diễm công chứng tại Văn phòng công chứng Bùi Thị Đ.

Xét thấy, cùng ngày 26/6/2020, ông T, bà A với ông H1, bà Diễm đã lập 04 hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất không có tài sản gắn liền với đất có số công chứng 3089, 3090, 3091, 3092, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Bùi Thị Đ là trước thời điểm xảy ra sự việc tranh chấp này. Đến ngày 16/7/2020 và ngày 31/7/2020, bà Mỹ H mới nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường yêu cầu tranh chấp hợp đồng vay tài sản, yêu cầu hủy 04 hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất không có tài sản gắn liền với đất nêu trên. Đồng thời, tài sản trong 04 hợp đồng trên không phải là tài sản mà ông T, bà A, ông Đ, bà P thế chấp cho bà Mỹ H để đảm bảo cho khoản vay 4.000.000.000đồng theo đúng quy định pháp luật.

Văn phòng công chứng Bùi Thị Đ công chứng 04 hợp đồng trên là hoàn toàn đúng theo Luật công chứng. Vì vậy, việc ông T, bà A với ông H1, bà Diễm lập 04 hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên trước thời điểm bà Mỹ H nộp đơn khởi kiện và bà Mỹ H chưa có bản án, quyết định nào có hiệu lực pháp luật đối với ông T, bà A.

Hiện nay ông H1, bà Diễm đang thế chấp các thửa đất của 04 hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V Nam - Chi nhánh Mộc Hóa vay 5.900.000.000đồng để làm vốn làm ăn theo hợp đồng tín dụng số 6620 LAV2020001568 ngày 06/7/2020, sau đó đáo hạn vay lại 7.000.000.000đồng vào ngày 21/02/2022. Việc đăng ký hợp đồng thế chấp đã làm đúng trình tự pháp luật quy định và được công chứng tại Văn phòng công chứng Bùi Thị Đ, đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại thị xã Kiến Tường. Do đó, việc hủy bỏ hợp đồng tặng cho trên sẽ làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V Nam - Chi nhánh Mộc Hóa theo quy định khoản 2 Điều 133 của Bộ Luật dân sự quy định về bảo vệ quyền lợi của người thứ ba ngay tình. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V Nam - Chi nhánh Mộc Hóa không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Mỹ H về việc hủy 04 hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất không có tài sản gắn liền với đất có số công chứng 3089, 3090, 3091, 3092 trên.

Do đó, yêu cầu tuyên bố 04 hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất không có tài sản gắn liền với đất có số công chứng 3089, 3090, 3091, 3092 của văn phòng công chứng Bùi Thị Đ là vô hiệu là không có căn cứ.

Tại thời điểm cho vay thì bà Mỹ H biết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T, bà A đang thế chấp tại Ngân hàng. Ông T, bà A tặng đất cho ông H1, bà Diễm và ông H1, bà Diễm đã thế chấp đất cho Ngân hàng và tại cấp sơ thẩm Tòa án đã thu thập hồ sơ thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H1 nhưng bà Mỹ H không đề cập đến hợp đồng thế chấp và đến cấp phúc thẩm lần 2 ông V đại diện bà Mỹ H mới yêu cầu.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị Mỹ H. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, giữ N bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bà Võ Thị Mỹ H đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Đương sự vắng mặt thuộc trường hợp quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: N đơn bà MỹH do ông V đại diện trình bày trong quá trình giải quyết vụ án yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu 4 hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông T bà A với ông H1 bà Diễm, nhưng án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu là chưa chính xác, do đó cần sửa lại quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự”.

[4] Hợp đồng vay giữa bà A, ông T với bà MỹH được ký ngày 03/6/2020. Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà A ông T với ông H1 bà Diễm được xác lập ngày 26/6/2020, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa ông H1 bà Diễm với Ngân hàng được xác lập ngày 06/7/2020 và ngày 21/02/2022 nên áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[5] Về việc giải quyết yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị Mỹ H: Mặc dù trong đơn kháng cáo bàH ghi là kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của bàH xác định lại yêu cầu kháng cáo cụ thể như sau: BàH đồng ý với bản án sơ thẩm về việc tranh chấp hợp đồng vay nên không kháng cáo phần này. BàH kháng cáo đối với phần yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà A ông T với ông H1 bà Diễm và yêu cầu được quyền ưu tiên thi hành án đối với tài sản là quyền sử dụng đất của ông Đ bà P tại 4 thửa đất 65, 380, 383, 514.

[5.1] Xét yêu cầu kháng cáo của bà MỹH yêu cầu tuyên bố vô hiệu 04 hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được xác lập ngày 26/6/2020 giữa bà A, ông T với ông H1 bà Diễm được văn phòng công chứng Bùi Thị Đ công chứng số 3089, 3090, 3091, 3092 quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD đối với các thửa đất: Thửa số 620, 644, 721, 723, 743, 646, 645, 643, 643, 584, 585, 622, 619, 628, 630, 578, 624, 627, 632, 633, 634 và 635, cùng tờ bản đồ số 8; loại đất: LUC, RSX (tổng diện tích là 81.577m²)- **công chứng số 3089**; Thửa đất số 730, 729, 728, 727, 726, 725, 593 và 534 cùng tờ bản đồ số 8; Loại đất: trồng Lúa (tổng diện tích là 14.147m²) - **công chứng số 3090**; Thửa đất số 595, 596 và 588, cùng tờ bản đồ số 8; loại đất: HNK, NTS (tổng diện tích là 34.351m²) - **công chứng số 3091**; Thửa đất số 599, tờ bản đồ số 8; loại đất: 599; loại đất: đất ở nông thôn (diện tích 459m²) - **công chứng số 3092**. Xét thấy:

[5.2] Ngày 03/6/2020 bà A và ông T ký 02 hợp đồng vay tiền của bà MỹH với số tiền vay của mỗi hợp đồng là 2 tỷ: Hợp đồng vay 2 tỷ có thể chấp tài sản là quyền sử dụng đất (4 thửa đất 65, 380, 383, 514) do bà P và ông Đ đứng tên quyền sử dụng đất thì thời gian vay là 3 tháng; Hợp đồng vay 2 tỷ không thể chấp tài sản thì thời hạn vay là 1 tháng. Như vậy, sau khi xác lập 02 hợp đồng vay này thì bên vay là bà A ông

T, bà P ông Đ biết rõ là pH1 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền gốc đã vay và tiền lãi cho bà MỹH (bên cho vay). Khi đến hạn trả nợ bên vay bà A, ông T, bà P ông Đ không trả tiền gốc vay và tiền lãi cho bà MỹH nên bà MỹH khởi kiện yêu cầu trả tiền vay, tiền lãi là có căn cứ.

[5.3] Sau khi vay 23 ngày, tức là ngày 26/6/2020 bà A, ông T đã tặng cho toàn bộ tài sản của bà A và ông T là quyền sử dụng đất đối với các thửa đất nêu tại phần [5.1] cho ông H1 và bà Diễm. Tại phiên tòa phúc thẩm bà A và ông T xác định ngoài những tài sản là quyền sử dụng đất mà bà A và ông T đã tặng cho ông H1 và bà Diễm vào ngày 26/6/2020 thì bà A và ông T không còn tài sản nào khác; Bà A và ông T trình bày hiện nay ông bà không còn khả năng trả nợ cho bà MỹH nên xin được trả dần hàng năm. Tại phiên tòa phúc thẩm bà A và ông H1 trình bày mục đích bà A ông T tặng cho toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất cho ông H1 bà Diễm để ông H1 bà Diễm vay tiền Ngân hàng (do bà A, ông T lớn tuổi không vay được tiền) để trả nợ thay cho bà A ông T và có vốn để kinh doanh. Tuy nhiên, sau khi ông H1 bà Diễm được tặng cho quyền sử dụng đất và vay được tiền từ Ngân hàng thì ông H1 bà Diễm không trả nợ thay cho bà A và ông T đối với khoản nợ của bà MỹH. Mặc dù giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông H1 bà Diễm đứng tên nhưng thực tế ông T bà A vẫn sử dụng bằng hình thức cho người khác thuê (cho ông Phấn thuê). Như vậy, có căn cứ xác định việc bà A và ông T tặng cho toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất đối với các thửa đất nêu trên cho ông H1 và bà Diễm là nhằm trốn trả nghĩa vụ trả nợ với bà MỹH là vi phạm khoản 1 Điều 10 Bộ luật dân sự năm 2015. Tại khoản 1 Điều 10 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “*Cá nhân, pháp nhân không được lạm dụng quyền dân sự của mình gây thiệt hại cho người khác, để vi phạm nghĩa vụ của mình hoặc thực hiện mục đích khác trái pháp luật*”. Đồng thời, tại khoản 2 Điều 124 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “*Trường hợp xác lập giao dịch dân sự giả tạo nhằm trốn trả nghĩa vụ với người thứ ba thì giao dịch dân sự đó vô hiệu*”. Từ những nhận định trên và căn cứ trên có cơ sở xác định 04 hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ký và công chứng ngày 26/6/2020 giữa bà A ông T với ông H1 bà Diễm là nhằm trốn trả nghĩa vụ trả nợ của bà A ông T đối với bà MỹH nên bị vô hiệu theo khoản 1 Điều 10 và khoản 2 Điều 124 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà MỹH yêu cầu tuyên bố vô hiệu 04 Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ký và công chứng ngày 26/6/2020 giữa bà A và ông T với ông H1 và bà Diễm. Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà A và ông T với ông H1 và bà Diễm là hợp đồng không có đền bù nghĩa vụ của ông H1 và bà Diễm đối với bà A và ông T nên không có hậu quả xảy ra khi tuyên vô hiệu 04 hợp đồng tặng cho nêu trên.

[5.4] Căn cứ vào mục 2 phần II Văn bản số 64/TANDTC-PC ngày 03/4/2019 của Tòa án nhân dân Tối Cao quy định “*khi giải quyết tranh chấp về hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất mà hợp đồng đó bị vô hiệu, nhưng người nhận chuyển quyền đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đã được xác nhận nội dung biến động thì không đưa cơ quan có thẩm quyền trong việc cấp giấy tham gia tố tụng và không cần pH1 tuyên hủy giấy chứng nhận cấp cho người nhận chuyển nhượng. Khi Tòa án tuyên hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất vô hiệu thì Văn phòng đăng ký đất đai, cơ quan Tài N và Môi trường căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa án để giải quyết điều chỉnh biến động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án*”. Căn cứ vào quy định trên Tòa án không tuyên hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông H1 và bà Diễm đối với các thửa đất nêu trên. Cơ quan Tài N và Môi trường căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa

án để giải quyết điều chỉnh biến động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án.

[5.5] Hiện nay quyền sử dụng đất đối với các thửa đất trên ông H1 và bà Diễm đã thế chấp cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V Nam chi nhA huyện Mộc Hóa theo hợp đồng thế chấp số 07C370/HĐTC ngày 21/02/2022 (hợp đồng thế chấp ký ngày 06/7/2020 đã được xóa thế chấp vào ngày 25/02/2022). Tại thời điểm ký hợp đồng thế chấp số 07C370/HĐTC ngày 21/02/2022 (ngay ngày Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án) thì Ngân hàng là đương sự trong vụ này nên biết rõ quyền sử dụng đất đối với các thửa đất nêu trên đang bị tranh chấp – N đơn bà MỹH yêu cầu vô hiệu 04 hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với các thửa đất trên nhưng Ngân hàng vẫn tiếp tục nhận thế chấp. Như vậy, việc Ngân hàng nhận thế chấp theo hợp đồng thế chấp 07C370/HĐTC ngày 21/02/2022 đang trong thời điểm đất có tranh chấp nên việc nhận thế chấp của Ngân hàng là không ngay tình nên không được pháp luật bảo vệ theo khoản 2 Điều 133 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5.6] Tại phiên tòa phúc thẩm ông V là người đại diện theo ủy quyền của bà MỹH yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu Hợp đồng thế chấp 07C370/HĐTC ngày 21/02/2022 giữa ông H1 và bà Diễm với Ngân hàng. Xét thấy yêu cầu này của bà MỹH do ông V là người đại diện theo ủy quyền là có cơ sở, việc giải quyết yêu cầu vô hiệu hợp đồng thế chấp nêu trên của của bà MỹH trong cùng vụ án nhằm giải quyết triệt để vụ án và đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Tòa án cấp sơ thẩm khi giải quyết vụ án không giải thích và không lập biên bản hỏi N đơn có yêu cầu vô hiệu hợp đồng thế chấp giữa ông H1 và bà Diễm với Ngân hàng hay không trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N đơn. Yêu cầu này chưa được cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết nên Tòa án cấp phúc thẩm không thể xem xét. Do đó, cần hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ vụ án về tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

[5.7] Từ những nhận định và căn cứ trên chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà MỹH, chấp nhận một phần đề nghị của Kiểm sát viên. Hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ vụ án về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng sẽ được cấp sơ thẩm xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà MỹH không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng được chấp nhận một phần theo Điều 148 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 29 Nghị quyết 326. Hoàn trả cho bà MỹH 300.000đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000613 ngày 24/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Võ Thị Mỹ H;

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2022/DS-ST ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

2. Giao hồ sơ vụ án về cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Võ Thị Mỹ H không pH1 chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà MỹH 300.000đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000613 ngày 24/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

4. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người pH1 thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND thị xã Kiến Tường;
- Chi cục THADS thị xã Kiến Tường;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Phúc

Các thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Thu – Trần Trọng Nhân

Trịnh Thị Phúc

